

Bản án số: 53/2018/DSPT

Ngày: 16/5/2018

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản  
và bồi thường thiệt hại về tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoàng

*Các Thẩm phán:* Bà Cao Thị Túy Giang

Bà Nguyễn Lệ Kiều

**- Thư ký phiên tòa:** Nguyễn Thị Ni, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:** Ông Trịnh Út Mười, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Ngô Hồng T, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Tiến V, sinh năm 1972. Địa chỉ: đường Trần Nhật D, phường M, thành phố L, tỉnh A (có mặt).

**- Bị đơn:** Ban Quản lý dự án X tỉnh Bạc Liêu. (nay là Ban Quản lý dự án X1 tỉnh Bạc Liêu). Địa chỉ: đường Bế Văn Đ, khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn V, Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Việt Đ, chức vụ: Phó Giám đốc. (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

1. Trung tâm phát triển M tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: phường Z, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc T, Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn K, chức vụ: Phó trưởng phòng (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: đường T, phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Hoàng L, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: phường X, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Văn M, Chức vụ: Giám đốc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1976 (có mặt).

5. Bà Ngô Thị Hồng N, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Cùng địa chỉ tạm trú: đường Đoàn Văn B, phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1976. Địa chỉ: khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, địa chỉ tạm trú: đường Đoàn Văn B, phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng A: Luật sư Nguyễn Tấn T, văn phòng luật sư Nguyễn Tấn T thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngô Hồng T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn ông Ngô Hồng T trình bày: Vào năm 1980, mẹ ông T là bà Lâm Thị S (chết năm 2011), em rể ông T là ông Nguyễn Hoàng V (chết năm 2014) cùng sống chung tại số 10/5, đường Trần P, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do nhà ông đông người nên cần chỗ ở khác rộng hơn nên ông T và mẹ ông T đã hùn vàng mua phần đất có diện tích 1.200m<sup>2</sup> của ông Kim V với giá trị là 06 chỉ vàng 24k, phần đất nằm cặp quốc lộ 1A; việc mua bán đất do ông V thay mặt gia đình thực hiện với ông Kim V, có làm giấy tay ngày 10/9/1980. Từ khi ông V đại diện gia đình mua phần đất này, ông T là người trực tiếp quản lý sử dụng ổn định cho đến nay. Do phần đất này nằm trong quy hoạch khu dân cư sầm uất, đã có quyết định về việc bồi hoàn cho ông T với số tiền 118.655.368 đồng. (Trong đó giá trị bồi hoàn đất là 83.043.720đ; giá trị nhà là 15.361.808 đ; giá trị công trình kiến trúc khác là 5.179.040đ; giá trị cây trồng là 4.820.800đ; giá trị về cá nuôi là 2.966.000đ) theo Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 15/4/2004 và sao lục phương án ngày 08/4/2004 của UBND thành phố B. Tuy nhiên, ngày 21/01/2008, Ban quản lý dự án xây X tỉnh Bạc Liêu (nay là Ban Quản lý dự án X1 tỉnh Bạc Liêu) đã chi và giao toàn bộ số tiền giá trị bồi thường đất là 83.043.720đ cho chị Nguyễn Thị Hồng A (là con gái của ông V). Nay ông T khởi kiện yêu cầu nay là Ban Quản lý dự án đầu X tỉnh Bạc Liêu trả cho ông T số tiền 182.073.356đ (Trong đó tiền bồi thường đất là 83.043.720đ và tiền lãi tại tính từ ngày 21/01/2008 đến ngày

23/11/2015 là 83.043.720đ X 1.125% x 106 tháng = 99.029.636đ) và tiền lãi chậm thanh toán tính kể từ ngày 24/11/2015 đến ngày xét xử.

Ngoài ra, ông T còn yêu cầu Trung tâm phát triển M tỉnh Bạc Liêu chi trả số tiền 78.078.538đ (trong đó, tiền bồi thường nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng, cá nuôi và các chi phí khác là 35.611.648đ và tiền lãi tại tỉnh đến ngày 23/11/2015 là 42.466.890đ) và tiền lãi chậm thanh toán tính kể từ ngày 24/11/2015 đến ngày xét xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông T đã rút lại yêu cầu về tiền lãi phát sinh đối với các yêu cầu trên tính từ ngày 24/11/2015 để ngày xét xử.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trịnh Việt Đ trình bày:* Ban quản lý dự án tỉnh cho họ và tên ông Ngô Hồng T và ông Nguyễn Hoàng V với số tiền 83.043.720đ, người nhận tiền là bà Nguyễn Thị Hồng A. Ban quản lý dự án xác định việc chi tiền này là đúng quy định pháp luật, dựa trên các căn cứ sau: Thứ nhất dựa vào giấy ủy quyền của ông Nguyễn Hồng V ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng A vào ngày 07/12/2007, nội dung ủy quyền là bà Hồng A được toàn quyền quyết định trong vụ án nhà đất này trong việc bồi hoàn của Nhà nước; thứ hai biên bản làm việc ngày 08/6/2006 của UBND phường Y ông T xác định nguồn gốc đất là do em rể ông là ông V mua lại của ông Kim V năm 1980, sau đó giao cho gia đình ông quản lý sử dụng để nuôi mẹ ông là bà Lâm Thị S. Ông T cũng khẳng định đất này thuộc quyền sử dụng của ông V chứ không phải của ông, đối với căn nhà thì do ông T tự đứng ra xây cất; thứ ba là căn cứ bào cáo cáo số 209/BC.PTNMT ngày 24/12/2007, của Phòng tài Tài nguyên và môi trường thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đối với hộ ông Ngô Hồng T thì phần đất của ông T quản lý là do ông V nhận chuyển nhượng từ ông Kim V vào năm 1980, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay và được Ban nhân dân khóm R, phường Y ký xác nhận. Do đó, việc chi tiền bồi thường này là hoàn toàn đúng nên ban quản lý dự án không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra, Bản quản lý dự án yêu cầu hủy Quyết định số 399/UBND ngày 15/4/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng để xây dựng Khu liên hiệp thể dục thể thao thành phố B do Quyết định này chi trả cho ông T là mâu thuẫn với phương án tính giá bồi hoàn số 57/BTBH ngày 05/9/2003 mà Ban quản lý dự án đã trình UBND tỉnh Bạc Liêu và được phê duyệt tại Quyết định số 164/QĐ-UB ngày 04/3/2004 của UBND tỉnh Bạc Liêu có nội dung chi cho hộ là “Ngô Hồng T (Nguyễn Hoàng V)”. Do tài sản hỗn hợp của hai người nhưng quyết định chi cho một người là không đúng.

Ông Trần Văn K là người đại diện của Trung tâm phát triển M tỉnh Bạc Liêu trình bày: Trung tâm chỉ tiếp nhận dự án xây dựng khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh Bạc Liêu để tiếp tục thực hiện dự án tái định cư và các dự án khác trong đó có hồ sơ bồi thường của ông T. Tuy nhiên, dự án này hiện nay tạm ngừng. Khi nào dự án được tiếp tục thì Trung tâm sẽ thành lập hội đồng xem xét phần tài sản thu hồi thực tế là của ai và ai sẽ chi cho chính chủ sở hữu tài sản đó. Vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì trung tâm không đồng ý.

Ông Trịnh Văn M đại diện của Ủy ban nhân dân thành phố B tỉnh Bạc Liêu trình bày: Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 15/4/2004 của UBND thành phố Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng cho ông T là

không đúng đối tượng nên Quyết định này không đúng. Đối với việc Ban quản lý dự án chi trả cho ông V cũng không đúng quy trình nên đối với Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 15/4/2004 của UBND thành phố B đề nghị tòa án xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Ông Trịnh Văn M đại diện của Phòng tài nguyên và môi trường thành phố B tỉnh Bạc Liêu trình bày: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố B, Phòng tài nguyên và môi trường thành phố B có tiến hành xác minh trường hợp bồi hoàn giải tỏa của hộ ông T và có phát hiện Quyết định chi sai đối tượng nên có lập báo cáo số 209/BC.PTNMT ngày 24/7/2007 để báo cáo với UBND thành phố B.

Chị Nguyễn Thị Hồng A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Phần đất được bồi hoàn do cha chị là ông V nhận chuyển nhượng từ ông Kim V, sau đó gia đình chị cất một ngôi nhà lá để sinh sống tại phần đất này từ năm 1990 đến năm 1999 và có đăng ký hộ khẩu thường trú cho đến nay. Gia đình chị cho gia đình ông T ở nhờ vào khoản năm 1995 đến nay, đến năm 2014 cha chị chết chị thay thế làm chủ hộ. Vào khoản năm 2011 ông T giả chữ ký của cha chị để tách thêm một quyển sổ hộ khẩu tại nhà số 153B/4, đường 23/8, khóm X, phường Y, thành phố B chị không đồng ý nên hai bên có tranh chấp và đã được giải quyết tại Đội cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thành phố B vào ngày 21/11/2014 với nội dung ông T hẹn có năm sẽ chuyển khẩu đi nơi khác. Chị A đã nhận xong toàn bộ số tiền bồi hoàn là 83.043.720đ cho cha chị là ông V và ông V đã chi hết khi còn sống. Ngoài ra, gia đình chị còn có tài sản trên đất là một phần cấu trúc căn nhà lá do ông T đang quản lý sử dụng (gian nhà giữa); chị không đồng ý với giấy xác nhận đề ngày 09/02/1993 do phía ông T xuất trình có nội dung cha mẹ chị từ bỏ quyền đối với phần đất này vì giấy này có sửa chữa và ký không nhưng chị không có yêu cầu giám định tờ giấy này.

*Từ nội dung trên tại bản án số: 03/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:*

Căn cứ khoản 14 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị Quyết 104/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 về việc thi hành Luật tố tụng hành chính; căn cứ Điều 255, 256 và Điều 260 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hồng T đối với Ban quản lý dự án X1 tỉnh Bạc Liêu về việc đòi lại số tiền 182.073.356đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hồng T đối với Ban quản lý dự án X1 tỉnh Bạc Liêu về việc đòi số tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 24/11/2015 đến ngày xét xử.

2/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hồng T đối với Trung tâm phát triển M tỉnh Bạc Liêu về việc đòi số tiền 78.078.538 đồng và tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 24/11/2015 đến ngày xét xử. Ông Ngô Hồng T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật.

3/. Hủy toàn bộ quyết định số 399/QĐ-UB ngày 15/4/2004 của UBND thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng để xây dựng khu liên hiệp thể dục thể thao thị xã B, tỉnh Bạc Liêu.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.103.667đ; ông T đã nộp 4.552.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002248 ngày 10/3/2016 và nộp 1.952.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001827 ngày 04/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, được đối trừ vào án phí phải nộp, ông Tín còn phải nộp tiếp số tiền 2.599.667đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 02/02/2018 ông Ngô Hồng T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên Tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ngô Hồng T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông T yêu cầu Ban quản lý dự án X (gọi tắt là Ban quản lý dự án tỉnh) có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 182.073.356 đồng (trong đó tiền bồi thường đất là 83.043.720 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 21/01/2008 đến ngày 23/11/2015 là 99.029.636 đồng). Ông T xác định vào năm 1980 ông Nguyễn Hoàng V là em rể ông đại diện cho mẹ ông là bà Lâm Thị S và ông đứng ra nhận chuyển nhượng phần đất của ông Kim V, việc chuyển nhượng đất có làm giấy tay và do ông V đứng ra ký giấy cũng như thực hiện giao dịch. Từ khi ông V đại diện gia đình mua phần đất này thì ông là người trực tiếp quản lý và sử dụng. Do phần đất này nằm trong quy hoạch khu dân cư sân vận động, đã có quyết định về việc bồi hoàn cho ông T với số tiền 118.655.368 đồng, trong đó giá trị bồi hoàn đất là

83.043.720đ theo Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 15/4/2004 và sao lục phương án ngày 08/4/2004 của UBND thành phố B. Tuy nhiên, ngày 21/01/2008, Ban quản lý dự án tỉnh Bạc Liêu đã chi và giao toàn bộ số tiền giá trị bồi thường đất là 83.043.720đ cho chị Nguyễn Thị Hồng A (là con gái của ông V). Do đó ông T khởi kiện yêu cầu nay là Ban Quản lý dự án tỉnh Bạc Liêu trả cho ông T số tiền 182.073.356đ (Trong đó tiền bồi thường đất là 83.043.720đ và tiền lãi tại tính từ ngày 21/01/2008 đến ngày 23/11/2015 là 99.029.636đ). Xét thấy, tại biên bản làm việc ngày 08/6/2006 tại UBND phường Y (BL 91) ông T xác định nguồn gốc quyền sử dụng đất là của ông V mua lại của ông Kim V, sau đó giao cho ông quản lý sử dụng để nuôi mẹ là bà S, ông T khẳng định phần đất đến nay vẫn thuộc quyền sử dụng của ông Vân chứ không phải của ông. Do đó, việc ông T cho rằng ông Vân chỉ thay mặt ông và mẹ ông để đứng ra mua đất của ông Kim V là không có căn cứ để chấp nhận. Mặc khác, cũng tại Báo cáo số 209/BC.PTNMT ngày 24/12/2007, của Phòng tài Tài nguyên và môi trường thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xác định phần đất của ông T quản lý là do ông V nhận chuyển nhượng từ ông Kim V vào năm 1980, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay và được Ban nhân dân khóm R, phường Y ký xác nhận. Sổ mục kê ruộng đất của phường Y được lập năm 1994 và bảng tổng hợp thửa chính thực của phường Y thị xã B lập năm 1997 đều đứng tên ông Nguyễn Hoàng V. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc Ban quản lý dự án tỉnh bồi thường tổng số tiền 182.073.356đ là phù hợp quy định pháp luật nên được giữ nguyên.

[2]. Đối với nội dung kháng cáo của ông T yêu cầu Trung tâm phát triển M tỉnh Bạc Liêu có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 78.078.538đ trong đó, tiền bồi thường nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng, cá nuôi và các chi phí khác là 35.611.648đ và tiền lãi tại tính đến ngày 23/11/2015 là 42.466.890đ). Hội đồng xét xử xét thấy, Trung tâm chỉ tiếp nhận dự án xây dựng khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh Bạc Liêu để tiếp tục thực hiện dự án tái định cư và các dự án khác trong đó có hồ sơ bồi thường của ông T. Tuy nhiên, dự án này hiện nay tạm ngừng, nên phía Trung tâm phát triển M tỉnh Bạc Liêu chưa thực hiện việc chi trả theo quyết định số 399/UBND ngày 15/4/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng để xây dựng khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh Bạc Liêu, nên việc ông T kiện đòi số tiền theo quy định trên và tiền lãi phát sinh là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Do đó cấp sơ thẩm nhận định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của ông T là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được giữ nguyên.

[3]. Hội đồng xét xử xét nội dung ông T yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Hoàng V và bà Ngô Thị Hồng N trên giấy xác nhận ngày 09/02/1993 tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, ông V chết năm 2014 nên việc thu thập chữ ký của ông V là không thể thực hiện được để làm mẫu giám định. Mặc khác, như đã phân tích trên tại biên bản làm việc ngày 08/6/2006 (BL 91) ông T thừa nhận nguồn gốc đất là của ông V nhận mua của ông Kim V và giao lại cho ông quản lý sử dụng để nuôi bà S, chủ sở hữu vẫn là ông V. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu giám định chữ ký của ông V như yêu cầu của ông T.

[4]. Xét về phần án phí: Ông T kháng cáo không đồng ý nộp án phí như cấp sơ thẩm nhận định, Hội đồng xét xử xét thấy, do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí theo quy định trên. Theo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình thể hiện ông T sinh năm 1948 hiện nay đã 70 tuổi được xem là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009. Nhưng để được Tòa án xem xét miễn giảm án phí thì theo quy định khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án “*Người yêu cầu được miễn, giảm tiền án phí phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án kèm theo các tài liệu chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nộp*” Do ông T không có đơn xin miễn giảm án phí nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết, cấp sơ thẩm nhận định ông T phải nộp án phí số tiền 9.103.667 đồng là phù hợp quy định pháp luật nên được giữ nguyên.

[5]. Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Hồng T, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Do yêu cầu kháng cáo của ông Tín không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Hồng T giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 14 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị Quyết 104/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 về việc thi hành Luật tố tụng hành chính; căn cứ Điều 255, 256 và Điều 260 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hồng T đối với Ban quản lý dự án X1 tỉnh Bạc Liêu về việc đòi lại số tiền 182.073.356đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hồng T đối với Ban quản lý dự án X1 tỉnh Bạc Liêu về việc đòi số tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 24/11/2015 đến ngày xét xử.

2/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hồng T đối với Trung tâm phát triển M tỉnh Bạc Liêu về việc đòi số tiền 78.078.538 đồng và tiền lãi phát sinh tính

kể từ ngày 24/11/2015 đến ngày xét xử. Ông Ngô Hồng T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật.

3/. Hủy toàn bộ quyết định số 399/QĐ-UB ngày 15/4/2004 của UBND thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng để xây dựng khu liên hiệp thể dục thể thao thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.103.667đ; ông T đã nộp 4.552.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002248 ngày 10/3/2016 và nộp 1.952.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001827 ngày 04/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí, ông T còn phải nộp tiếp số tiền 2.599.667đồng.

5/. Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ ông Ngô Hồng T phải chịu. Ông Ngô Hồng T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ tại biên lai thu số 0007968, ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí không được hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm dân sự có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TANDTC (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND tp BL (01 bản) ;
- Chi cục THADS tp.BL(01 bản);
- Đương sự (06 bản);
- Lưu TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

**Nguyễn Văn Hoàng**